

Bản án số: 502/2023/DS-PT
Ngày: 25-4-2023
V/v: “*Tranh chấp tài sản chung
và chia thừa kế tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Uông Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Kim Thương

Bà Trịnh Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/DS-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp tài sản chung và chia thừa kế tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 629/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận M, bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 868/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phùng Văn Ch, sinh năm 1927.

Địa chỉ: Số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 605, đường N1, Phường B, Quận N, Thành phố H (có mặt).

(theo Hợp đồng ủy quyền số 005404, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2019 tại Văn phòng công chứng C, Thành phố H).

Bị đơn: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H (có mặt);

(theo Giấy ủy quyền số 18658, quyền số 7 tại Phòng Công chứng N, Thành phố H).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phùng Kim H, sinh năm 1951 (vắng mặt);
Địa chỉ: Phòng số 110 lô P, cư xá T, Phường H, quận B, Thành phố H.
2. Bà Phùng Thụy Xuân Th1, sinh năm 1981 (vắng mặt);
3. Ông Phùng Vinh H1, sinh năm 1985 (vắng mặt);
4. Ông Phùng Minh T1, sinh năm 1991 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Số 220/48/29 đường M, Phường C, quận G, Thành phố H.
5. Bà Đinh Thị Hà V, sinh năm 1967 (vắng mặt);
6. Bà Lục Xuân H2, sinh năm 1989 (vắng mặt);
7. Bà Lục Xuân Th2, sinh năm 1991 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.
8. Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1981 (có mặt);
9. Trẻ Huỳnh Nguyễn Minh N, sinh năm 2015 - do ông Huỳnh Minh T là cha đẻ là đại diện theo pháp luật;
10. Ông Huỳnh Minh T2, sinh năm 1995 (vắng mặt);
11. Ông Phùng Văn H3, sinh năm 1960 (có mặt);
12. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986 (vắng mặt);
13. Trẻ Nguyễn Ngọc Mai Ph, sinh năm 2017 - do bà Lục Xuân Th2 và ông Nguyễn Văn Q là cha, mẹ đẻ là đại diện theo pháp luật.
14. Bà Huỳnh Thị Thành H4, sinh năm 1961 (có mặt);
15. Bà Phùng Thị Thùy Tr, sinh năm 1985 (có mặt);
16. Trẻ Quách Gia B, sinh năm 2014 do bà Phùng Thị Thùy Tr là mẹ là đại diện theo pháp luật.
17. Ông Phùng Duy Kh, sinh năm 1988 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2019, đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 04/3/2020 của nguyên đơn ông Phùng Văn Ch, lời trình bày của bà Nguyễn Thị Th đại diện cho nguyên đơn:

Nhà và đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1184/2003 ngày 18/12/2003.

Bà Lục N1 chết ngày 16/8/2012, bà Lục N1 có cha là ông Huỳnh Nh và mẹ là bà Lục Xuân M chết trước bà Lục N1.

Nguyên đơn xác định ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 là vợ chồng không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới và thực tế chung sống với

nhau từ năm 1949. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có năm người con chung là: ông Phùng Quang M1, sinh năm 1949, chết ngày 22/01/1972 theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự yêu cầu tuyên bố một người là đã chết số 305/2022/QĐST-DS ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H, ông M1 không có vợ con nên không có người thừa kế thế vị; bà Phùng Kim H, sinh năm 1951; ông Phùng Văn V1, sinh năm 1955, chết năm 1998, có ba người con thừa kế thế vị là bà Phùng Thụy Xuân Th1, sinh năm 1981; ông Phùng Vinh H1, sinh năm 1985; ông Phùng Minh T1, sinh năm 1991; bà Phùng Thị L, sinh năm 1961; ông Lục Văn Q1, sinh năm 1965, chết năm 2017, có vợ là bà Đinh Thị Hà V, sinh năm 1967 và hai con là bà Lục Xuân H2, sinh năm 1989, bà Lục Xuân Th2, sinh năm 1991.

Ngoài ra, ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 không có con nuôi và bà Lục N1 không có con riêng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là nhà và đất tại địa chỉ số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H cho nguyên đơn được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất.

Về chia di sản thừa kế của bà Lục N1: Căn cứ Di chúc ngày 03/4/2008, bà Lục N1 để lại $\frac{1}{2}$ nhà và đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M cho bà Phùng Thị L, nguyên đơn đồng ý và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì nguyên đơn là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên nguyên đơn yêu cầu được hưởng $\frac{2}{3}$ suất của một người thừa kế theo pháp luật.

Về hàng thừa kế: Do bà Lục N1 có chồng và 5 người con nhưng ông Phùng Quang M1 chết trước bà Lục N1 và không có người thừa kế thế vị nên di sản của bà Lục N1 chia cho năm suất, gồm: Ông Phùng Văn Ch, bà Phùng Kim H, ông Phùng Văn V1 (có người thừa kế thế vị là bà Phùng Thụy Xuân Th1, ông Phùng Vinh H1, ông Phùng Minh T1), bà Phùng Thị L, ông Lục Văn Q1 (có người thừa kế theo pháp luật là bà Đinh Thị Hà V, bà Lục Xuân H2, bà Lục Xuân Th2). Tổng cộng hàng thừa kế của bà Lục N1 có 5 suất thừa kế nên một suất thừa kế theo pháp luật là $\frac{1}{2} : 5 = \frac{1}{10}$ và nguyên đơn được hưởng phần di sản của bà Lục N1 là: $\frac{1}{10} \times \frac{2}{3} = \frac{1}{15}$.

Tổng cộng nguyên đơn được hưởng (chia tài sản chung và chia thừa kế) là: $\frac{1}{2} + \frac{1}{15} = \frac{17}{30}$ giá trị nhà, đất.

Bị đơn được hưởng (thừa kế theo di chúc trừ đi thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc) là $\frac{1}{2} - \frac{1}{15} = \frac{13}{30}$ giá trị nhà, đất.

Do hiện nay nguyên đơn đã lớn tuổi, nguyên đơn không sở hữu giấy tờ nhà đất nào khác ngoài nhà, đất nêu trên và nguyên đơn không có chỗ ở (đang phải ở nhờ nhà con gái) nên nguyên đơn yêu cầu được chia $\frac{17}{30}$ giá trị nhà, đất nêu trên bằng hiện vật. Nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện vật là nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H và nguyên đơn sẽ trả lại cho bị đơn (bằng tiền) phần tỷ lệ giá trị bị đơn được chia căn cứ theo Biên bản định giá ngày 01/7/2022 của Hội đồng định giá.

Bị đơn - bà Phùng Thị L có ông Huỳnh Minh T đại diện trình bày:

Nhà và đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H là tài sản chung do ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Trong thời gian chung sống ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 có 5 người con chung như trình bày của nguyên đơn. Ngoài ra, ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 không có con nuôi và bà Lục N1 không có con riêng nào khác.

Bà Lục N1 đã chết năm 2012. Trước khi chết, ngày 03/4/2008 bà Lục N1 có lập di chúc và đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H có nội dung sau khi bà Lục N1 qua đời thì bị đơn sẽ được hưởng di sản thừa kế của bà Lục N1 để lại phần thuộc sở hữu của bà Lục N1 trong căn nhà 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H. Ngoài bị đơn thì bà Lục N1 không để lại di sản thừa kế cho ai khác.

Bị đơn không có đóng góp xây dựng, tu bổ, gìn giữ, tôn tạo, sửa chữa, coi nói gì thêm nên bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết công sức đóng góp, tu bổ, gìn giữ vào việc quản lý, tôn tạo ... đối với di sản thừa kế cũng như tiền đóng thuế nhà, đất và các chi phí đám tang, đám giỗ bà Lục N1.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu hưởng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay bị đơn không có căn nhà nào khác để ở nên đề nghị Hội đồng xét xử chia cho bị đơn bằng hiện vật; bị đơn sẽ trả lại cho nguyên đơn giá trị phần di sản được hưởng, theo Biên bản định giá ngày 01/7/2022 của Hội đồng định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Huỳnh Minh T đồng thời là người đại diện theo pháp luật của trẻ Huỳnh Nguyễn Minh N trình bày:

Hiện nay ông và con trai là trẻ Huỳnh Nguyễn Minh N cùng với mẹ là bà Phùng Thị L tại căn nhà số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H. Trong thời gian ở tại căn nhà trên ông không có đóng góp xây dựng, tu bổ, gìn giữ, tôn tạo, sửa chữa, coi nói gì thêm nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết công sức đóng góp, tu bổ, gìn giữ vào việc quản lý, tôn tạo ... đối với di sản thừa kế.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung và chia thừa kế thì ông không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, bị đơn và ông cũng không có nhà nào khác để ở nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị đơn được nhận phần giá trị di sản thừa kế được chia bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phùng Văn H3 trình bày:

Nhà và đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1.

Quá trình chung sống, ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 có năm người con chung như nguyên đơn trình bày. Ông là con riêng của ông Phùng Văn Ch và bà Huỳnh Thị D.

Ông chỉ là người cư trú trong căn nhà, không phải chủ sở hữu nhà nên ông cũng không yêu cầu giải quyết công sức đóng góp và không có yêu cầu độc lập.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Huỳnh Thị Thành H4 là vợ của ông Phùng Văn H3 thống nhất với lời trình bày của ông Phùng Văn H3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phùng Thị Thùy Tr đồng thời là người đại diện theo pháp luật của trẻ Quách Gia B thống nhất với lời trình bày của ông Phùng Văn H3.

Nhà và đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1. Bà là con của ông Phùng Văn H3 và bà Huỳnh Thị Thành H4. Bà và trẻ Quách Gia B đang cư trú trong căn nhà trên, không phải chủ sở hữu căn nhà, không yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự thống nhất với Biên bản định giá ngày 01/7/2022 của Hội đồng định giá đã định giá tổng giá trị nhà, đất và xây dựng nhà số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H là: 1.218.425.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 629/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận M, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn Ch về việc chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản là nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

1.1 Xác định nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1184/2003 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố H cấp ngày 18/12/2003 cho ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1) là tài sản chung của ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1.

1.2 Xác định ông Phùng Văn Ch được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H. Xác định bà Lục N1 được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H (là di sản thừa kế).

1.3 Xác định di sản của bà Lục N1 để lại là 1/2 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

1.4 Những người được hưởng thừa kế của bà Lục N1 gồm: Ông Phùng Văn Ch và bà Phùng Thị L.

Xác định ông Phùng Văn Ch được hưởng thừa kế là 1/15 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

Xác định bà Phùng Thị L được hưởng thừa kế là 13/30 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

1.5 Tổng cộng ông Phùng Văn Ch được chia: 17/30 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H và bà Phùng Thị L được chia: 13/30 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

Giao cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi nhà và đất tại địa chỉ số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1184/2003 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố H cấp ngày 18/12/2003 cho ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1). Sau khi trừ đi các chi phí cho việc phát mãi và các chi phí phát sinh khác theo quy định của pháp luật (nếu có) thì số tiền còn lại bao nhiêu sẽ được chia theo tỷ lệ sau: Nguyên đơn được nhận 17/30 giá trị nhà, đất và bị đơn được nhận 13/30 giá trị nhà, đất. Giá trị thực tế căn cứ vào giá tại thời điểm cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn Ch về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế bằng hiện vật là nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu các chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, đo vẽ. Nguyên đơn đã nộp đủ các chi phí nêu trên.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp, tu bổ, gìn giữ vào việc quản lý, tôn tạo đối với di sản thừa kế; tiền đóng thuế nhà, đất và các chi phí đám tang, đám giỗ bà Lục N1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị đơn được nhận di sản bằng hiện vật, bị đơn thanh toán giá trị tài sản cho nguyên đơn theo Biên bản định giá ngày 01/7/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Huỳnh Minh T đại diện cho bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị đơn được nhận di sản bằng hiện vật, bị đơn thanh toán giá trị tài sản cho nguyên đơn theo Biên bản định giá ngày 01/7/2022.

- Bà Nguyễn Thị Th đại diện cho Phùng Văn Ch đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Liên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H:

Về tổ tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng

xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Ch và bà N1 mỗi người được hưởng 1/2 giá trị nhà đất; xác định di sản của bà N1 để lại là ½ giá trị nhà đất và chia cho ông Ch là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, phần di sản còn lại chia cho bà Liên được hưởng theo di chúc; tổng cộng ông Ch được chia 17/30 giá trị nhà đất và bà Liên được chia 13/30 giá trị nhà đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật, các bên không thỏa thuận với nhau về việc chia di sản bằng hiện vật; mặt khác, nhà đất có diện tích 32,5m², không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho cơ quan thi hành án phát mãi nhà đất để chia giá trị là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phùng Kim H, bà Phùng Thụy Xuân Th1, ông Phùng Vinh H1, ông Phùng Minh T1, bà Đinh Thị Hà V, bà Lục Xuân H2, bà Lục Xuân Th2, ông Huỳnh Minh T2, ông Nguyễn Văn Q, trẻ Nguyễn Ngọc Mai Ph (do bà Lục Xuân Th2 và ông Nguyễn Văn Q là đại diện theo pháp luật), ông Phùng Duy Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu chia tài sản chung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là toàn bộ nhà và đất tại địa chỉ số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H, chia cho nguyên đơn được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Lục N1 chung sống với ông Phùng Văn Ch từ năm 1949 và có năm người con chung là các ông bà Phùng Quang M1, Phùng Kim H, Phùng Văn V1, Phùng Thị L, Lục Văn Q1. Hai người có quan hệ hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận theo quy định tại điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1184/2003 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố H cấp ngày 18/12/2003

cho ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 thể hiện nguồn gốc nhà, đất do ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 cùng tạo lập. Khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản. Phần tài sản của vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế*”. Do ông Phùng Văn Ch, bà Lục N1 không có thỏa thuận nào khác và không chứng minh được ai có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập, duy trì, phát triển nhà, đất nên tài sản chung của vợ chồng được chia đôi.

Vì vậy, có cơ sở xác định nhà và đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H là tài sản chung của ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia cho nguyên đơn được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất và bà Lục N1 được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H (là di sản thừa kế) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 33, Điều 59, Điều 65 và Khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về yêu cầu chia thừa kế tài sản:

- Về thời điểm mở thừa kế: Theo Trích lục khai tử số 47/TLKT-BS ngày 24/01/2017 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M thì bà Lục N1 chết ngày 16/8/2012. Do đó, theo quy định tại Điều 633 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì ngày 16/8/2012 là thời điểm mở thừa kế.

- Về hàng thừa kế:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định bà Lục N1 có chồng là ông Phùng Văn Ch và có các con chung với ông Phùng Văn Ch là: Ông Phùng Quang M1, sinh năm 1949; bà Phùng Kim H, sinh năm 1951; ông Phùng Văn V1, sinh năm 1955; bà Phùng Thị L, sinh năm 1961; ông Lục Văn Q1, sinh năm 1965. Ngoài ra, ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 không có con nuôi và bà Lục N1 không có con riêng nào khác.

Ông Phùng Quang M1 đã chết ngày 22/01/1972 (theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự yêu cầu tuyên bố một người là đã chết số 305/2022/QĐST-DS ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H) - ông M1 chết trước bà Lục N1 và ông M1 không có con nên không có thừa kế thế vị.

Ông Phùng Văn V1 đã chết năm 1998 (theo Trích lục khai tử số 164/TLKT-BS ngày 12/4/2021 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố H) - chết trước bà Lục N1 và có ba người con chung là thừa kế thế vị: Bà Phùng Thụy Xuân Th1, sinh năm 1981; ông Phùng Vinh H1, sinh năm 1985 và ông Phùng Minh T1, sinh năm 1991.

Ông Lục Văn Q1, chết năm 2017 (theo Trích lục khai tử số 141/TLKT-BS ngày 07/4/2021) - chết sau bà Lục N1 nên có những người thừa kế theo pháp luật là: Bà Đinh Thị Hà V, sinh năm 1967 (là vợ); bà Lục Xuân H2, sinh

năm 1989 (con) và bà Lục Xuân Th2, sinh năm 1991 (con).

Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của bà Lục N1 bao gồm: Ông Phùng Văn Ch; bà Phùng Kim H; ông Phùng Văn V1 (do 3 người con thừa kế thế vị là bà Phùng Thụy Xuân Th1, ông Phùng Vinh H1, ông Phùng Minh T1); bà Phùng Thị L; ông Lục Văn Q1 (do 3 người thừa kế theo pháp luật là bà Đinh Thị Hà V, bà Lục Xuân H2, bà Lục Xuân Th2).

- Về phân chia di sản thừa kế: Xác định di sản thừa kế do bà Lục N1 để lại là 1/2 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

Căn cứ Công văn số 550/UBND ngày 15/11/2019 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H thì ngày 03/4/2008 bà Lục N1 có lập Di chúc và đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H có nội dung: *“Tôi là đồng sở hữu nhà ở và đất ở số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H (căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở số 1184/2003 ngày 18/12/2003). Tôi đồng ý cho con gái: Phùng Thị L, sinh ngày 04/9/1961, CMND số 020360721 cấp ngày 04/8/2005 tại Công an Thành phố H, thường trú: 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H căn nhà số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H do tôi đồng sở hữu hợp pháp. Sau khi tôi qua đời thì Phùng Thị L là con gái của tôi sẽ được hưởng di sản thừa kế do tôi để lại phần thuộc sở hữu của tôi trong căn nhà 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H. Ngoài Phùng Thị L, tôi không để lại di sản thừa kế của tôi nêu trên cho bất cứ ai khác...”*. Như vậy, Di chúc nêu trên của bà Lục N1 phù hợp theo quy định tại Điều 652, Điều 653 và Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên di chúc hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm bản Di chúc nào khác có hiệu lực pháp luật, thay thế Di chúc ngày 03/4/2008. Mặt khác, bà Phùng Thị L không có văn bản từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 642 Bộ luật Dân sự năm 2005 và không thuộc trường hợp người không được quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo nội dung di chúc nêu trên thể hiện ý chí của bà Lục N1 để lại toàn bộ di sản thừa kế là phần thuộc sở hữu của bà Lục N1 đối với nhà và đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M cho bà Phùng Thị L. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại Điều 669 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì ông Phùng Văn Ch (chồng bà Lục N1) là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật.

Do hàng thừa kế thứ nhất của bà Lục N1 gồm 5 người như nêu trên nên hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật mà ông Phùng Văn Ch được hưởng khi chia thừa kế của bà Lục N1 là: $(1/2 \times 1/5) \times 2/3 = 1/15$ giá trị nhà, đất.

Bà Phùng Thị L được hưởng thừa kế theo di chúc sau khi trừ đi phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật là: $1/2 - 1/15 =$

13/30 giá trị nhà, đất.

Như vậy, ông Phùng Văn Ch được hưởng 1/15 giá trị nhà, đất và bà Phùng Thị L được hưởng là 13/30 giá trị nhà, đất. Tổng cộng ông Phùng Văn Ch được chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản là: $\frac{1}{2} + \frac{1}{15} = \frac{17}{30}$ giá trị nhà, đất. Và bà Phùng Thị L được hưởng chia thừa kế tài sản là: 13/30 giá trị nhà và đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn Ch về việc chia tài sản chung và chia thừa kế cho ông Phùng Văn Ch là 17/30 giá trị nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M là có căn cứ.

[2.3] Về yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế bằng hiện vật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: *“Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thoả thuận về việc định giá hiện vật và thoả thuận về người nhận hiện vật; nếu không thoả thuận được thì hiện vật được bán để chia”*.

Xét thấy, căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1184/2003 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp ngày 18/12/2003 cho ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1 thì thửa đất của nhà số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M có diện tích 32,5m², không đủ diện tích tối thiểu để chia tài sản, di sản bằng hiện vật.

Ông Ch yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật, vì ông Ch có nhu cầu về chỗ ở (hiện nay không có nhà, đất nào khác) và đã lớn tuổi. Bà Liên cũng có yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật, vì có nhu cầu về chỗ ở và bà Liên đang thực tế sử dụng nhà, đất. Xét thấy, hai bên không thoả thuận được về người nhận hiện vật nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hiện vật sẽ phát mãi tài sản để chia.

Tòa án cấp sơ thẩm giao cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi nhà, đất tại địa chỉ số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1184/2003 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố H cấp ngày 18/12/2003 cho ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1). Sau khi trừ đi các chi phí cho việc phát mãi và các chi phí phát sinh khác theo quy định của pháp luật (nếu có) thì số tiền còn lại bao nhiêu sẽ được chia theo tỷ lệ sau: ông Ch được nhận 17/30 giá trị nhà, đất và bà Liên được nhận 13/30 giá trị nhà, đất. Giá trị thực tế căn cứ vào giá tại thời điểm cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi là đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: ông Ch và bà Liên là người cao tuổi, thuộc trường hợp

được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 642, Điều 643, Điều 652, Điều 658, Điều 669, Điều 676, Điều 677, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 33, Điều 59, Điều 65, Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn Ch về việc chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản là nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

1.1 Xác định nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1184/2003 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố H cấp ngày 18/12/2003 cho ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1) là tài sản chung của ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1.

1.2 Xác định ông Phùng Văn Ch được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H. Xác định bà Lục N1 được hưởng 1/2 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H (là di sản thừa kế).

1.3 Xác định di sản của bà Lục N1 để lại là 1/2 giá trị nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

1.4 Những người được hưởng thừa kế của bà Lục N1 gồm: Ông Phùng Văn Ch và bà Phùng Thị L.

Xác định ông Phùng Văn Ch được hưởng thừa kế là 1/15 giá trị nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

Xác định bà Phùng Thị L được hưởng thừa kế là 13/30 giá trị nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

1.5 Tổng cộng ông Phùng Văn Ch được chia: 17/30 giá trị nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H và bà Phùng Thị L được chia: 13/30 giá trị nhà, đất số 26/11E, đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

Giao cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi nhà và đất tại địa chỉ số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 1184/2003 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố H cấp ngày 18/12/2003 cho ông Phùng Văn Ch và bà Lục N1). Sau khi trừ đi các chi phí cho việc phát mãi và các chi phí phát sinh khác theo quy định của pháp luật (nếu có) thì số tiền còn lại bao nhiêu sẽ được chia theo tỷ lệ sau: Nguyên đơn được nhận 17/30 giá trị nhà, đất và bị đơn được nhận 13/30 giá trị nhà, đất. Giá trị thực tế căn cứ vào giá tại thời điểm cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn Ch về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế bằng hiện vật là nhà, đất số 26/11E đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu các chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, đo vẽ. Nguyên đơn đã nộp đủ các chi phí nêu trên.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp, tu bổ, gìn giữ vào việc quản lý, tôn tạo đối với di sản thừa kế; tiền đóng thuế nhà, đất và các chi phí đám tang, đám giỗ bà Lục N1.

5. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí cho nguyên đơn và bị đơn.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND Quận M;
- Cục THADS TP.H;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Uông Văn Tuấn

